DANH MỤC
BỆNH, TÌNH TRẠNG BỆNH ĐƯỢC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TỪ XA

(Ban hành kèm theo Bản công bố số: 1312/CB-BV, ngày 29 tháng 10 năm 2026)

STT	Chuyên khoa	Bệnh, tình trạng bệnh	Mã ICD-10
1.	Dinh dưỡng	Béo phì	E66
2.	Tai Mũi Họng	Viêm mũi họng cấp tính	J00
3.	Tai Mũi Họng	Viêm mũi họng mạn tính	J31.1
4.	Răng Hàm Mặt	Viêm lợi/miệng áp tơ	K12.0
5.	Răng Hàm Mặt	Viêm lưỡi bản đồ	K14.1
6.	Răng Hàm Mặt	Viêm lợi do mọc răng	K06.9
7.	Cơ Xương Khớp	Đau vai gáy	M25.5
8.	Cơ Xương Khớp	Hội chứng cánh tay cổ	M53.1
9.	Cơ Xương Khớp	Đau thắt lưng	M54.5
10.	Cơ Xương Khớp	Viêm khớp dạng thấp	M05.0
11.	Cơ Xương Khớp	Thoái hóa khớp gối	M17
12.	Cơ Xương Khớp	Thoái hóa cột sống	M47
13.	Cơ Xương Khớp	Loãng xương (không gãy xương)	M81
14.	Ngoại khoa	Theo dõi sau phẫu thuật, thủ thuật	Z09.
15.	Ung thư	Sau điều trị ung thư, Chăm sóc giảm nhẹ	Z08
16.	Tim mạch	Tăng huyết áp	I10
17.	Tim mạch	Giãn tĩnh mạch chi dưới	I83
18.	Tim mạch	Suy tĩnh mạch	I87.2
19.	Tim mạch	Bệnh động mạch chi dưới mạn tính	I74.3
20.	Nội tiết	Đái tháo đường	E10.9; E119; E12.9; E13.9; E14.9
21.	Nội tiết	Rối loạn Lipid máu	E78
22.	Thận - tiết niệu	Suy thận mạn chưa chạy thận nhân tạo	N18.1
23.	Hô hấp	Hen phế quản	J45
24.	Hô hấp	Bệnh phổi mạn tính tắc nghẽn	J44
25.	Tâm thần	Rối loạn tâm thần	F28.8
26.	Tâm thần	Rối loạn lo âu, trầm cảm	F41.2
27.	Da liễu	Bệnh da nhiễm khuẩn	L01, L02 L66
28.	Da liễu	Bệnh da do nấm - ký sinh trùng	B86, B35, B36.0
29.	Da liễu	Bệnh da do vi rút	B01.B02

STT	Chuyên khoa	Bệnh, tình trạng bệnh	Mã ICD-10
30.	Da liễu	Bệnh da dị ứng - miễn dịch và bệnh da viêm	L20, L23,L28.2L50
31.	Thần kinh	Bệnh Parkinson	G20
32.	Thần kinh	Alzeimer	F00.-
33.	Thần kinh	Sa sút trí tuệ căn nguyên mạch	F01.-
34.	Thần kinh	Đau nửa đầu	G43
35.	Thần kinh	Đau đầu do căng thẳng	G44.2
36.	Thần kinh	Rối loạn tiền đình	H81
37.	Truyền nhiễm	Nhiễm HIV/AIDS	B24
38.	Lao và bệnh phổi	Tái khám Bệnh lao	Z76.0 + A15-A19
39.	Truyền nhiễm	Sốt xuất huyết không có dấu hiệu cảnh báo	A97.0
40.	Truyền nhiễm	Cúm	J19; J10; J10.1
41.	Truyền nhiễm	COVID-19	U07.1
42.	Tiêu hóa	Viêm dạ dày - tá tràng	K29,-
43.	Tiêu hóa	Táo bón	K59
44.	Tiêu hóa	Trào ngược dạ dày - thực quản	K21.-
45.	Truyền nhiễm	Viêm gan virus B, C	B16; B18.1
46	Mắt	Viêm kết mạc	H10
47.	Mắt	Viêm giác mạc	H16
48.	Mắt	Loạn đường võng mạc di truyền	H35.5
49	Phục hồi chức năng	Vật lý trị liệu	Z50.1
50	Nội tiết	Suy giáp	E00; E01